

Số dư đầu năm	12,246,093,794	50,335,595,969	3,309,457,188	948,935,550	3,322,945,622	70,163,028,123
- Khấu hao trong năm	2,720,202,877	2,361,105,770	620,108,351	147,517,315	39,570,998	5,888,505,311
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(65,000,000)	-	-	(65,000,000)
- Phân loại theo TT 45/2013/TT-BTC	-	-	-	(319,928,665)	-	(319,928,665)
Số dư cuối năm	14,966,296,671	52,696,701,739	3,864,565,539	776,524,200	3,362,516,620	75,666,604,769
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	17,244,216,471	11,281,266,197	2,458,920,684	317,616,358	76,794,548	31,378,814,258
Tại ngày cuối năm	14,723,442,594	12,089,651,508	3,256,394,151	* 542,271,043	37,223,550	30,648,982,846

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết còn sử dụng: 53.317.918.457 VND

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình là chi phí san lấp mặt bằng 10.000 m² đất thuê 49 năm từ ngày 24/09/2003 tại lô M13 (C4-9), khu công nghiệp Hòa Xá, tỉnh Nam Định. Đến 31/12/2016, tài sản cố định vô hình đã được khấu hao toàn bộ.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	9,593,072	-
Chi phí quảng cáo, làm biển quảng cáo	108,906,223	84,328,008
Chi phí bảo hiểm xe ô tô	26,046,203	26,898,250
Phí duy trì tên miền	17,065,589	17,229,500
Phí dịch vụ đăng tuyển trên Vietnam Work	-	12,461,400
Chi phí thuê văn phòng	220,000,000	165,000,000
Các khoản khác	104,972,815	46,466,340
Tổng	486,583,902	352,383,498
b) Dài hạn		

Công cụ dụng cụ xuất dùng	905,919,051	611,728,597
Phí xây dựng chiến lược kinh doanh và hệ thống quản lý nhân sự	213,383,848	410,353,540
Chi phí thiết kế Website	62,999,982	125,999,994
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	490,479,456	479,833,751
Chi phí san lấp giải phóng mặt bằng tại Nhà máy của Công ty TNHH Nam Dược	199,666,029	229,246,173
Chi phí trả trước dài hạn khác	29,721,762	37,319,462
Tổng	1,902,170,128	1,894,481,517

13. VAY NGẮN HẠN

	01/01/2016		Trong năm		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP Nam Định (i)	14,114,467,785	14,114,467,785	5,000,000,000	14,114,467,785	5,000,000,000	5,000,000,000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Định	5,614,365,628	5,614,365,628	-	5,614,365,628	-	-
- Phạm Thành Đạt (ii)	-	-	5,000,000,000	-	5,000,000,000	5,000,000,000
Tổng	19,728,833,413	19,728,833,413	10,000,000,000	19,728,833,413	10,000,000,000	10,000,000,000

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(i): Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 1216-HĐTD/NHCT382-KHDN/TNHH NAM DUOC-01 ngày 23 tháng 12 năm 2016 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Nam Định và Công ty TNHH Nam Dược: Tổng dư nợ cho vay theo hợp đồng tại mọi thời điểm không vượt quá 16.000.000.000 VND. Hạn mức cho vay bao gồm cả các khoản nợ được điều chỉnh bởi Hợp đồng tín dụng số 0907/2015-HĐTDHM/NHCT382-NAM DUOC ngày 09/07/2015 ký giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Nam Định và Công ty. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày 23/12/2016 đến hết ngày 23/12/2017. Khoản vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh thuốc, dược liệu, thực phẩm chức năng. Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi nhận trên Giấy chứng nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 7,5%/năm áp dụng cho kỳ tính lãi đầu tiên đối với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký hợp đồng và sẽ được điều

chính theo phương thức lãi suất cho vay thả nổi theo quy định của Ngân hàng. Gốc được thanh toán vào ngày trả nợ ghi trên Giấy nhận nợ hoặc thời điểm khác theo sự thỏa thuận bằng văn bản giữa các bên; lãi được thanh toán vào ngày 25 hàng tháng.

Tài sản đảm bảo bao gồm:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Lô A18/D7 khu Đô thị Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội. Chủ sở hữu: Ông Hoàng Minh Châu - Tổng Giám đốc Công ty và bà Dương Thị Sáu - vợ Tổng Giám đốc Công ty;
- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 02, ngách 01, ngõ 132, tổ 17, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội. Chủ sở hữu: Bà Dương Thị Hà và Ông Lê Xuân Hạnh - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

(ii): Khoản vay theo Hợp đồng vay tiền số 001/2016-HĐVT ngày 23/12/2016 giữa Công ty TNHH Nam Dược và ông Phạm Thành Đạt - Kế toán trưởng Công ty TNHH Nam Dược, thành viên Ban kiểm soát Công ty. Số tiền vay 5.000.000.000 đồng; thời hạn vay 02 tháng; lãi suất 0%/tháng.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty Cổ phần Sản xuất Oai Hùng Constantia	926,589,742	926,589,742	-	-
Công ty TNHH Suheung Việt nam	1,000,780,000	1,000,780,000	-	-
Công ty TNHH Thương mại và Truyền thông Nguyễn Quân	924,509,091	924,509,091	-	-
Bà Đỗ Thị Hoa	1,025,138,600	1,025,138,600	63,700,000	63,700,000
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Bao Bì Sông Lam	768,792,026	768,792,026	498,126,045	498,126,045
Các đối tượng khác	5,419,753,768	5,419,753,768	3,106,334,160	3,106,334,160
Tổng	10,065,563,227	10,065,563,227	3,668,160,205	3,668,160,205

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	350,807,938	2,068,638,684	26,730,427,004	28,224,831,910	720,000,000	943,425,840
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	23,168,600	23,168,600	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	125,955,177	1,232,389,048	1,876,763,115	518,418,890	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	158,550,297	1,259,045,818	1,408,692,337	43,186,276	52,090,054
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	-	81,663,000	121,663,000	40,000,000	-
Thuế môn bài	-	-	8,000,000	8,000,000	-	-

Tổng	350,807,938	2,353,144,158	29,334,693,470	31,663,118,962	1,321,605,166	995,515,894
-------------	--------------------	----------------------	-----------------------	-----------------------	----------------------	--------------------

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Chi phí lãi vay	9,375,000	30,422,980
Chi phí quảng cáo	8,400,000	71,949,600
Chi phí cước vận chuyển, cước viễn thông	31,604,676	43,341,109
Chi phí phải trả khác	162,795,142	260,346,079
Tổng	212,174,818	406,059,768

17. PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	126,135,864	17,309,199
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	660,000,000	641,500,000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	558,760,000	564,280,000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	120,112,330	93,323,022
Tổng	1,465,008,194	1,316,412,221

(i): Trích lập quỹ dự phòng tiền lương 17% quỹ lương thực hiện năm 2016 tại Công ty TNHH Nam Dược - Công ty con theo Nghị quyết số 08C/2016/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 16/12/2016.

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	56,800,000,000	66,108,429,025	122,908,429,025
Lãi trong năm trước	-	12,932,236,402	12,932,236,402
Tăng khác	-	72,744,252	72,744,252
Phân phối lợi nhuận			

	-	(13,629,777,500)	(13,629,777,500)
Số dư cuối năm trước	56,800,000,000	65,483,632,179	122,283,632,179
Lãi trong năm nay	-	20,391,678,987	20,391,678,987
Phân phối lợi nhuận	-	(12,006,611,821)	(12,006,611,821)
Điều chỉnh lợi nhuận chưa thực hiện các năm trước	-	7,870,000,000	7,870,000,000
Số dư cuối năm nay	56,800,000,000	81,738,699,345	138,538,699,345

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2016/NQ ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 04 năm 2016, Công ty mẹ công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

	Số tiền
	* VND
Kết quả kinh doanh sau thuế	20,391,678,987
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	646,611,821
Chi trả cổ tức năm 2015 trên vốn điều lệ (tương ứng mỗi cổ phần nhận 2.000 VND)	11,360,000,000

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2016	Tỷ lệ	01/01/2016	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Bà Dương Thị Sáu	14,174,500,000	24.96	14,174,500,000	24.96
Ông Nguyễn Văn Giang	3,220,000,000	5.67	3,220,000,000	5.67
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Trancorp	2,831,000,000	4.98	2,831,000,000	4.98
Các cổ đông khác	36,574,500,000	64.39	36,574,500,000	64.39
Tổng	56,800,000,000	100.00	56,800,000,000	100.00

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	56,800,000,000	56,800,000,000
- Vốn góp cuối năm	56,800,000,000	56,800,000,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	11,360,000,000	11,360,000,000

d) Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5,680,000	5,680,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5,680,000	5,680,000

- Cổ phiếu phổ thông	5,680,000	5,680,000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5,680,000	5,680,000
- Cổ phiếu phổ thông	5,680,000	5,680,000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10000. VND/cổ phiếu		

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a) Ngoại tệ các loại:

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
USD	402,16	418,66
EUR	99,20	110,17

20. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	264,796,238,058	215,741,664,082
Tổng	264,796,238,058	215,741,664,082

Doanh thu đối với các bên liên quan

21,785,957,370

17,032,096,060

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 38)

21. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	-	7,153,228
Hàng bán bị trả lại	371,689,469	424,954,781
Tổng	371,689,469	432,108,009

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	140,541,346,595	97,771,089,343
Tổng	140,541,346,595	97,771,089,343

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	689,555,369	45,550,379
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	1,466,793
Tổng	689,555,369	47,017,172

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	211,934,892	1,650,692,003
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	650,000	4,589,341
Tổng	212,584,892	1,655,281,344

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	229,879,742	297,494,349
Chi phí nhân công	30,920,132,774	23,767,690,687
Chi phí khấu hao tài sản cố định	142,606,209	121,940,329
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31,273,573,564	38,021,685,766
Chi phí khác bằng tiền	9,595,286,260	10,778,051,385
Tổng	72,161,478,549	72,986,862,516

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1,020,728,483	1,317,915,472
Chi phí nhân công	19,952,955,186	16,275,174,991
Chi phí khấu hao tài sản cố định	970,539,195	1,139,630,422
Thuế, phí và lệ phí	136,798,286	257,940,167
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7,141,268,172	7,044,201,158
Chi phí khác bằng tiền	1,406,324,767	2,345,049,290
Tổng	30,628,614,089	28,379,911,500

27. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	13,636,364	210,000,000
Phải trả người bán được xóa nợ	-	503,026,984
Các khoản khác	4,851,554	77,813,665
Tổng	18,487,918	790,840,649

28. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Các khoản bị phạt	8,002,536	94,735,592
Các khoản khác	10,216,545	35,008,358
Tổng	18,219,081	129,743,950

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Công ty TNHH Nam Dược	1,232,389,048	1,176,763,115
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1,232,389,048	1,176,763,115
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước		44,667,511
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	125,955,177	2,504,724,137
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(1,876,763,115)	(3,600,199,586)
Tổng thuế TNDN phải nộp (phải thu) cuối năm	(518,418,890)	125,955,177

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	205,275,960	1,281,556,595
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	205,275,960	1,281,556,595

b) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	151,556,595	1,267,082,319
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(205,275,960)	(151,556,595)
Tổng	(53,719,365)	1,115,525,724

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	20,391,678,987	12,932,236,402
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	20,391,678,987	12,932,236,402
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5,680,000	5,680,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3,590	2,277

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

32. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	74,027,366,982	81,743,267,281
Chi phí nhân công	64,498,027,841	51,369,647,735
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5,968,648,099	6,008,580,542
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41,528,337,418	44,374,311,976
Chi phí khác bằng tiền	21,202,693,437	20,488,721,260
Tổng	207,225,073,777	203,984,528,794

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	23,565,994,010	-	19,205,166,678	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	4,686,131,212	-	3,254,266,087	-
Các khoản cho vay	35,000,000,000		3,100,000,000	-
Đầu tư dài hạn khác				

	255,000,000	-	255,000,000	-
Tổng	63,507,125,222	-	25,814,432,765	-

	Giá trị số kế toán	
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	100000000000	19728833413
Phải trả người bán, phải trả khác	11530571421	4984572426
Chi phí phải trả	212174818	406059768
Tổng	21742746239	25119465607

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác), cụ thể như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2016				
Tiền và tương đương tiền	23,565,994,010	-	-	23,565,994,010
Phải thu khách hàng, phải thu khác	4,533,131,212	153,000,000	-	4,686,131,212
Các khoản cho vay	35,000,000,000	-	-	35,000,000,000
Đầu tư dài hạn khác	255,000,000	-	-	255,000,000
Tổng	63,354,125,222	153,000,000	-	63,507,125,222

Tại ngày 01/01/2016

Tiền và tương đương tiền	19,205,166,678	-	-	19,205,166,678
Phải thu khách hàng, phải thu khác	3,101,266,087	153,000,000	-	3,254,266,087
Các khoản cho vay	3,100,000,000	-	-	3,100,000,000
Đầu tư dài hạn khác	255,000,000	-	-	255,000,000
Tổng	25,661,432,765	153,000,000	-	25,814,432,765

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2016				
Vay và nợ	10,000,000,000	-	-	10,000,000,000

Phải trả người bán, phải trả khác	11,530,571,421	-	-	11,530,571,421
Chi phí phải trả	212,174,818	-	-	212,174,818
Tổng	21,742,746,239	21,742,746,239	21,742,746,239	21,742,746,239

Tại ngày
01/01/2016

Vay và nợ	19,728,833,413	-	-	19,728,833,413
Phải trả người bán, phải trả khác	4,984,572,426	-	-	4,984,572,426
Chi phí phải trả	406,059,768	-	-	406,059,768
Tổng	25,119,465,607	25,119,465,607	25,119,465,607	25,119,465,607

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

34. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

c) Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	10,000,000,000	65,488,382,226

d) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(19,728,833,413)	(54,003,900,201)

35. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

36. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là sản xuất, mua bán thuốc, dược phẩm. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2016	Năm 2015
Doanh thu bán hàng			
Công ty TNHH Dược phẩm Ích Nhân (i)	Bên liên quan khác	21,785,957,370	17,032,096,060
Ứng tiền trước mua tài sản			
Ông Hoàng Minh Châu và Bà Dương Thị Sáu	Cổ đông lớn của Công ty - Vợ chồng Tổng Giám Đốc	10,000,000,000	-

(i): Công ty TNHH Dược phẩm Ích Nhân do Bà Dương Thị Sáu làm Giám đốc đồng thời Bà cũng là Cổ đông lớn - Vợ của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nam Dược.

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Mối quan hệ	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Trả trước cho người bán			
Bà Dương Thị Sáu	Cổ đông lớn - Vợ của Tổng Giám đốc	10,000,000,000	-
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:			
		Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
- Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị		2,902,892,615	2,863,255,529

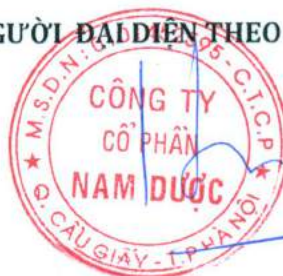
38. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Kiểm toán An Việt kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

	Mã số	Phân loại lại VND	Đã trình bày trên báo cáo năm trước VND
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất			
- Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	10,715,575,595	11,008,196,595
- Trả trước cho người bán dài hạn	212	292,621,000	-

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



TỔNG GIÁM ĐỐC
Ds. Hoàng Minh Châu